



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ VINACOMIN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Tei: 033.3871 312

Fax: 033.3871 387

Mục lục	Trang
Báo cáo của Giám đốc	01 - 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước	09
Báo cáo bán tài sản trong nội bộ tập đoàn	10 - 14
Báo cáo doanh thu nội bộ Tập đoàn	15 - 16
Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ tập đoàn	17
Thuyết minh Báo cáo tài chính	18 - 38

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

4. Thành phần Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Thành phần của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành trong năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 01/12/2013)
Ông Vũ Văn Cứu	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 01/12/2013)
Ông Nguyễn Hải Long	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01/12/2013)
Ông Vũ Ngọc Ánh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01/12/2013)
Ông Đặng Văn Phối	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Hình	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Nguyên	Ủy viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Hằng	Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 28/5/2013)
Ông Đào Xuân Nam	Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 01/3/2013)
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hoan	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Long	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật (bổ nhiệm ngày 01/12/2013)
Ông Vũ Văn Cứu	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/12/2013)
Ông Trần Văn Thứ	Phó Giám đốc
Ông Đặng Văn Phối	Phó Giám đốc

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến 38 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

7. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2014



Giám đốc

Nguyễn Hải Long



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: T42 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 130641/BCKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin (sau đây được viết tắt là "Công ty") được lập ngày 24/01/2014, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

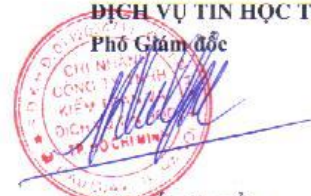
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

**CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &
DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH**

Phó Giám đốc



Vũ Khắc Chuyên

Số giấy CNĐKHNKT: 0160-2013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Kiểm toán viên

Vũ Khánh Linh

Vũ Khánh Linh

Số giấy CNĐKHNKT: 2355-2013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hưng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ : 5D, 30/4 St, Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0611) 371 5619 Fax: (0611) 371 5620

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscct@dng.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 d	01/01/2013 d
A. Tài sản ngắn hạn	100		69.173.912.272	59.815.626.186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.695.722.578	778.752.542
1. Tiền	111	V.1	1.695.722.578	778.752.542
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.368.745.912	18.051.083.156
1. Phải thu khách hàng	131		29.116.234.886	17.583.929.304
2. Trả trước cho người bán	132		1.272.000	51.840.752
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.251.239.026	415.313.100
IV. Hàng tồn kho	140		37.109.443.782	40.892.054.795
1. Hàng tồn kho	141	V.4	37.109.443.782	40.892.054.795
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		0	93.735.693
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	38.735.693
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		0	55.000.000
B. Tài sản dài hạn	200		16.308.836.265	17.988.567.784
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		15.898.307.495	17.947.492.098
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	15.016.918.922	17.333.003.525
<i>Nguyên giá</i>	222		49.104.660.732	47.732.929.842
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34.087.741.810)	(30.399.926.317)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
<i>Nguyên giá</i>	228		108.888.000	108.888.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(108.888.000)	(108.888.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	881.388.573	614.488.573
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		410.528.770	41.075.686
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	410.528.770	41.075.686
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		85.482.748.537	77.804.193.970

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 đ	01/01/2013 đ
A. Nợ phải trả	300		68.757.963.582	62.369.572.548
I. Nợ ngắn hạn	310		61.964.563.582	54.454.372.548
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	39.889.304.660	38.180.094.248
2. Phải trả người bán	312		12.624.995.407	10.320.710.039
3. Người mua trả tiền trước	313		8.690.000	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	759.917.102	563.705.106
5. Phải trả người lao động	315		6.404.641.888	4.507.576.746
7. Phải trả nội bộ	317		0	135.234.114
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	788.148.232	322.497.148
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		529.449.246	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		959.417.047	424.555.147
II. Nợ dài hạn	330		6.793.400.000	7.915.200.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	6.793.400.000	7.915.200.000
B. Vốn chủ sở hữu	400		16.724.784.955	15.434.621.422
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	16.367.784.955	15.434.621.422
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.325.780.000	11.938.920.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	788.512.369
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		804.264.945	1.831.671.946
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.237.740.010	875.517.107
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		357.000.000	0
2. Nguồn kinh phí	432		357.000.000	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		85.482.748.537	77.804.193.970

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Bùi Thị Khánh Hà

Hoàng Thúy Hương

Nguyễn Hải Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 đ	Năm 2012 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	185.506.492.832	150.893.415.595
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	185.506.492.832	150.893.415.595
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	159.157.214.114	127.194.836.587
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.349.278.718	23.698.579.008
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	23.955.785	29.914.617
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	5.195.691.378	6.937.078.278
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.195.691.378	6.937.078.278
8. Chi phí bán hàng	24		2.844.638.990	1.736.970.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.606.989.459	12.206.415.125
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.725.914.676	2.848.030.042
11. Thu nhập khác	31		104.026.627	904.886.318
12. Chi phí khác	32		11.423.204	104.470.441
13. Lợi nhuận khác	40		92.603.423	800.415.877
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.818.518.099	3.648.445.919
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	1.196.289.066	714.099.910
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.622.229.033	2.934.346.009
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.35		2.797,96	2.457,80

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Bùi Thị Khánh Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Thủy Hương

Giám đốc



Nguyễn Hải Long

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Tel: 033.3871.312

Fax: 033.3871.387

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 đ	Năm 2012 đ
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.818.518.099	3.648.445.919
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	4.558.877.455	4.510.523.039
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	0	(149.989.981)
- Chi phí lãi vay	06	5.195.691.378	6.937.078.278
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	14.573.086.932	14.946.057.255
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(12.317.662.756)	1.945.137.374
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.782.611.013	(8.637.100.178)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	4.736.669.476	(5.756.180.537)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(330.717.391)	73.773.685
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.195.124.711)	(6.875.214.711)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.542.824.054)	(999.033.926)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15	5.134.805.066	435.945.134
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(5.655.419.714)	(591.139.993)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	3.185.423.861	(5.457.755.897)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(2.360.458.822)	(4.286.418.586)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	0	140.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.955.785	29.914.617
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.336.503.037)	(4.116.503.969)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	144.780.163.423	128.916.545.454
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(144.192.753.011)	(119.850.892.896)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(519.361.200)	(911.252.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	68.049.212	8.154.400.158
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	916.970.036	(1.419.859.708)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	778.752.542	2.198.612.250
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.695.722.578	778.752.542

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Thị Khánh Hà

Hoàng Thủy Hương

Nguyễn Hải Long

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin tiền thân là Nhà máy cơ khí Mạo Khê trực thuộc Công ty than Mạo Khê, theo Quyết định số 125/2004/QĐ-BCN ngày 05/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp chuyên Nhà máy Cơ khí Mạo Khê thành Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000342 ngày 30/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04/12/2013 (mã số doanh nghiệp 5700526478).

Trụ sở chính: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty: **14.325.780.000 đồng** (Mười bốn tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (đ)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	5.214.180.000	36,39%
Cổ đông khác	9.111.600.000	63,61%
Cộng	14.325.780.000	100%

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2- Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là sản phẩm cơ khí chế tạo và sửa chữa.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng bạc kim loại quý khác);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại: chế tạo các thiết bị phụ tùng phục vụ khai thác, vận chuyển sàng tuyển than và thiết bị chế biến vật liệu xây dựng; chế tạo các loại xích máng cào và xích phục vụ giao thông, công nghiệp xi măng và mía đường;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế kết cấu thép, thiết kế thiết bị phụ tùng phục vụ khai thác, vận chuyển sàng tuyển than và thiết bị chế biến vật liệu xây dựng, thiết kế các loại xích máng cào và xích phục vụ giao thông, công nghiệp xi măng và mía đường;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

II- CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006 của Bộ Tài chính chấp thuận Chế độ kế toán đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006 của Bộ Tài chính chấp thuận Chế độ kế toán đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, ngoại trừ thay đổi trong chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 25/4/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty đã áp dụng Thông tư 45 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho năm hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (đ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mao Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc "Hưỡng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định".

6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

10- Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh dưới 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính theo số tháng thực hiện của chi phí.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Giá trị công cụ, dụng cụ này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin.

15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác", doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 02 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ trong kỳ.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc xác định số thuế sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

18- Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/11/2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18- Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19- Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Bên liên quan chủ yếu là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (là Công ty mẹ) và các đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn.

20- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với doanh thu bán sản phẩm cơ khí chế tạo của Công ty là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1 - Tiền**

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>đ</u>	<u>đ</u>
Tiền mặt tại quỹ	390.962.109	337.386.190
Tiền gửi ngân hàng	1.304.760.469	441.366.352
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh	687.149.197	276.002.310
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh	211.732.581	4.789.735
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Uông Bí	271.039.970	137.931.092
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Uông Bí	14.535.875	17.600.238
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Phòng giao dịch Mạo Khê	31.458.550	5.042.977
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	88.844.296	0
Cộng	<u>1.695.722.578</u>	<u>778.752.542</u>

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>đ</u>	<u>đ</u>
Bảo hiểm y tế chưa thu	16.428.807	55.800.599
Tiền ốm đau thai sản	78.647.868	174.873.804
Bảo hiểm xã hội chưa thu	45.098.334	12.366.777
Kinh phí công đoàn	604.058	0
Phải thu ứng vật tư giao khoán cho phân xưởng sản xuất	1.109.939.959	171.705.253
Phải thu khác	520.000	566.667
Cộng	<u>1.251.239.026</u>	<u>415.313.100</u>

4 - Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>đ</u>	<u>đ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	14.059.667.211	15.340.321.666
Công cụ, dụng cụ	574.333.284	440.351.690
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.012.554.529	14.011.534.664
Thành phẩm	8.462.888.758	11.099.846.775
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>37.109.443.782</u>	<u>40.892.054.795</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mao Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	17.355.563.955	24.646.174.887	3.507.644.677	2.223.546.323	47.732.929.842
Mua sắm	0	1.799.800.000	0	104.118.182	1.903.918.182
Đầu tư XD CB hoàn thành	54.729.179	311.811.461	0	0	366.540.640
Giảm theo Thông tư 45	(31.305.729)	(466.862.563)	0	(400.559.640)	(898.727.932)
Số dư tại 31/12/2013	17.378.987.405	26.290.923.785	3.507.644.677	1.927.104.865	49.104.660.732
HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	10.239.023.421	16.518.399.241	2.520.039.036	1.122.464.619	30.399.926.317
Khấu hao trong năm	1.578.432.564	2.505.150.696	217.257.316	258.036.879	4.558.877.455
Giảm theo Thông tư 45	(31.305.729)	(439.196.593)	0	(400.559.640)	(871.061.962)
Số dư tại 31/12/2013	11.786.150.256	18.584.353.344	2.737.296.352	979.941.858	34.087.741.810
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2013	7.116.540.534	8.127.775.646	987.605.641	1.101.081.704	17.333.003.525
Số dư tại 31/12/2013	5.592.837.149	7.706.570.441	770.348.325	947.163.007	15.016.918.922

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: 10.628.091 đồng.
- Nguyên giá của TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 17.574.087.619 đồng.

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đ

KHOẢN MỤC	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	108.888.000	108.888.000
Tại ngày 31/12/2013	108.888.000	108.888.000
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	108.888.000	108.888.000
Tại ngày 31/12/2013	108.888.000	108.888.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	0	0
Tại ngày 31/12/2013	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
 Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	881.388.573	614.488.573
+ Công trình: Nhà điều hành	614.488.573	614.488.573
+ Công trình: Nhà xưởng lắp ráp sản phẩm	266.900.000	0
Cộng	881.388.573	614.488.573

14 - Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	410.528.770	41.075.686
Cộng	410.528.770	41.075.686

15 - Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Vay ngắn hạn	39.889.304.660	38.180.094.248
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh	12.522.911.185	10.184.812.838
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Uông Bí	742.796.120	9.594.400.768
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Quảng Ninh	4.096.896.660	0
+ Công ty TNHH MTV Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam	19.004.402.133	15.050.502.708
+ Vay cá nhân (*)	3.522.298.562	3.350.377.934
Cộng	39.889.304.660	38.180.094.248

(*) Vay cá nhân theo Quyết định số 32/QĐ-HĐQT ngày 10/8/2011 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê về việc ban hành quy định về huy động vốn trong cán bộ công nhân viên.

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Thuế giá trị gia tăng	612.085.853	147.912.389
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.257.729	415.792.717
Thuế Thu nhập cá nhân	78.573.520	0
Cộng	759.917.102	563.705.106

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Kinh phí công đoàn	0	43.033.001
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	25.822.382	23.485.750
Quỹ văn hóa thể thao	33.521.518	551.600
Thuế Thu nhập cá nhân	89.631.749	155.751.567
Phải trả cổ tức năm 2013	546.696.000	0
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.476.583	99.675.230
Cộng	788.148.232	322.497.148

20- Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Vay dài hạn (*)	6.793.400.000	7.915.200.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh	3.308.000.000	4.938.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ưng Bí	3.485.400.000	2.977.200.000
Cộng	6.793.400.000	7.915.200.000

(*) Chi tiết các hợp đồng vay dài hạn tại ngày 31/12/2013:

Đơn vị tính: đ

STT	Số Hợp đồng/Khế ước	Ngày nhận nợ	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tổng giá trị khoản vay theo Hợp đồng	Dư nợ vay tại 31/12/2013		
						Tổng vay dài hạn	Vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2014	Vay dài hạn
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh				9.438.000.000	3.308.000.000	1.616.000.000	1.692.000.000
	01/2009/HĐ	03/4/2009	03/4/2016	Thả nổi	5.000.000.000	1.670.000.000	740.000.000	930.000.000
	01CK/TH/2009/HĐTD	28/12/2009	28/12/2014	Thả nổi	750.000.000	150.000.000	150.000.000	0
	01/2010/HĐ	30/12/2010	30/12/2015	Thả nổi	1.568.000.000	302.000.000	302.000.000	0
	01/2012/HĐ	09/01/2012	09/02/2017	Thả nổi	1.080.000.000	672.000.000	216.000.000	456.000.000
	03/2012/HĐ	23/4/2012	23/4/2017	Thả nổi	1.040.000.000	514.000.000	208.000.000	306.000.000
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ưng Bí				10.151.955.000	3.485.400.000	1.365.100.000	2.120.300.000
	13210041/2013-HĐTDĐA/NHCT304-CKMK	04/7/2013	04/7/2018	Thả nổi	4.191.000.000	1.691.000.000	756.000.000	1.735.000.000
	11290001/HĐTD	30/12/2011	30/12/2016	Thả nổi	1.175.040.000	696.000.000	232.000.000	464.000.000
	09.06.CK.03/HĐTD	25/6/2009	25/6/2014	Thả nổi	398.600.000	40.000.000	40.000.000	0
	09.07.CK.03/HĐTD	06/8/2009	06/8/2014	Thả nổi	309.015.000	46.200.000	46.200.000	0
	09.09.CK.03/HĐTD	16/9/2009	16/9/2014	Thả nổi	716.000.000	107.400.000	107.400.000	0
	09.09.CK.03/HĐTD	30/9/2009	30/9/2014	Thả nổi	1.650.000.000	247.500.000	247.500.000	0
	10.07.CK.01/HĐTD	05/7/2010	05/7/2015	Thả nổi	693.000.000	238.000.000	136.000.000	102.000.000
	10.12.Ck.01/HĐTD	28/12/2010	28/12/2015	Thả nổi	1.019.300.000	419.300.000	200.000.000	219.300.000
	Cộng				19.589.955.000	6.793.400.000	2.981.100.000	3.812.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
 Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đ

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	11.938.920.000	652.315.131	952.340.805	603.122.631	0	14.146.698.567
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	2.934.346.009	2.934.346.009
Phân phối lợi nhuận	0	136.197.238	879.331.141	272.394.476	(2.934.346.009)	(1.646.423.154)
Trong đó: Chia cổ tức	0	0	0	0	(1.432.670.400)	(1.432.670.400)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0	0	(213.752.754)	(213.752.754)
Số dư cuối năm trước; Số dư đầu năm nay	11.938.920.000	788.512.369	1.831.671.946	875.517.107	0	15.434.621.422
Tăng vốn trong năm nay (**)	2.386.860.000	0	0	0	0	2.386.860.000
Lãi trong năm nay	0	0	0	0	3.622.229.033	3.622.229.033
Phân phối lợi nhuận (*)	0	0	570.940.630	362.222.903	(3.622.229.033)	(2.689.065.500)
Trong đó: Chia cổ tức	0	0	0	0	(1.719.093.600)	(1.719.093.600)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0	0	(969.971.900)	(969.971.900)
Giảm khác (**)	0	(788.512.369)	(1.598.347.631)	0	0	(2.386.860.000)
Số dư cuối năm nay	14.325.780.000	0	804.264.945	1.237.740.010	0	16.367.784.955

(*) Lợi nhuận phân phối theo Công văn số 500/TKV-HDTV ngày 24/01/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Cụ thể:

+ Chi trả cổ tức: 1.719.093.600 đồng (Trong đó cổ tức phải trả cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin là 625.701.600 đồng).

+ Trích quỹ dự phòng tài chính: 362.222.903 đồng.

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 570.940.630 đồng.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 969.971.900 đồng (trong đó, quỹ thưởng Viên chức quản lý là 91.833.333 đồng, quỹ khen thưởng, phúc lợi là 878.138.567 đồng);

(**) Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu (Quỹ đầu tư phát triển và Vốn khác của chủ sở hữu) theo Quyết định số 86/QĐ-CKMK-HĐQT ngày 31/7/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Vốn góp của Nhà nước	5.214.180.000	4.345.152.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.111.600.000	7.593.768.000
Cộng	14.325.780.000	11.938.920.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
 Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22- Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia**

	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	11.938.920.000	11.938.920.000
+ Vốn góp tăng trong năm	2.386.860.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	14.325.780.000	11.938.920.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0
+ Năm nay	1.719.093.600	1.432.670.400

d- Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	1.432.578	1.193.892
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.432.578	1.193.892
+ Cổ phiếu phổ thông	1.432.578	1.193.892
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.432.578	1.193.892
+ Cổ phiếu phổ thông	1.432.578	1.193.892
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

c - Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Quỹ đầu tư phát triển	804.264.945	1.831.671.946
Quỹ dự phòng tài chính	1.237.740.010	875.517.107
Cộng	2.042.004.955	2.707.189.053

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
 Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2013 đ	Năm 2012 đ
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	185.506.492.832	150.893.415.595
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	185.506.492.832	150.893.415.595
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	185.506.492.832	150.893.415.595
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	185.506.492.832	150.893.415.595
 28- Giá vốn hàng bán		
	Năm 2013 đ	Năm 2012 đ
Giá vốn hàng bán	159.157.214.114	127.194.836.587
Cộng	159.157.214.114	127.194.836.587
 29- Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2013 đ	Năm 2012 đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.955.785	29.914.617
Cộng	23.955.785	29.914.617
 30- Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm 2013 đ	Năm 2012 đ
Lãi tiền vay	5.195.691.378	6.937.078.278
Cộng	5.195.691.378	6.937.078.278

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mao Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
 Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.818.518.099	3.648.445.919
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	(33.361.836)	77.230.351
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>13.106.204</i>	<i>77.230.351</i>
+ Chi phí phạt chậm nộp BHXH	1.683.000	0
+ Chi phí phạt chậm nộp thuế	11.423.204	0
+ Chi phí thuế TNDN bổ sung năm 2011	0	27.671.628
+ Chi phí lãi vay cá nhân vượt 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố	0	49.558.723
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(46.468.040)</i>	<i>0</i>
+ Thu nhập không tính thuế	(46.468.040)	0
Tổng thu nhập tính thuế	4.785.156.263	3.725.676.270
<i>Trong đó: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>4.692.552.840</i>	<i>2.897.588.765</i>
<i>Thu nhập khác</i>	<i>92.603.423</i>	<i>828.087.505</i>
Thuế TNDN phải nộp (25%)	1.196.289.066	931.419.067
<i>Trong đó: Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>1.173.138.210</i>	<i>724.397.191</i>
<i>Thuế TNDN từ thu nhập khác</i>	<i>23.150.856</i>	<i>207.021.876</i>
Giảm thuế TNDN (30%) theo Thông tư 140/2012/TT-BTC	0	217.319.157
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.196.289.066	714.099.910

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	131.198.096.991	107.252.576.545
Chi phí nhân công	30.899.450.301	28.357.571.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.558.877.455	4.510.523.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.509.793.480	1.730.838.577
Chi phí khác bằng tiền	4.818.109.388	4.105.909.931
Cộng	172.984.327.615	145.957.419.838

35- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.622.229.033	2.934.346.009
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	0	0
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.294.598	1.193.892
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.797,96	2.457,80

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36- Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

36.1- Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và ngày 31/12/2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản (điểm)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (đ)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
Đồng	+200	(899.739.641)
Đồng	-200	899.739.641
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
Đồng	+400	(1.812.661.668)
Đồng	-400	1.812.661.668

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao so với các kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
 Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36.2-Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

36.3- Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
	đ	đ	đ
Tại ngày 31/12/2013			
Các khoản vay và nợ	39.889.304.660	6.793.400.000	46.682.704.660
Phải trả người bán	12.624.995.407	0	12.624.995.407
Cộng	52.514.300.067	6.793.400.000	59.307.700.067
Tại ngày 01/01/2013			
Các khoản vay và nợ	38.180.094.248	7.915.200.000	46.095.294.248
Phải trả người bán	10.320.710.039	0	10.320.710.039
Cộng	48.500.804.287	7.915.200.000	56.416.004.287

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải và máy móc thiết bị làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng vào ngày 31/12/2013 và ngày 01/01/2013.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31/12/2013 và ngày 01/01/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
 Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37- Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Giá trị (đ)	Giá trị (đ)	Giá trị (đ)	Giá trị (đ)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.695.722.578	778.752.542	1.695.722.578	778.752.542
Phải thu khách hàng	29.116.234.886	17.583.929.304	29.116.234.886	17.583.929.304
Cộng	30.811.957.464	18.362.681.846	30.811.957.464	18.362.681.846
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	46.682.704.660	46.095.294.248	46.682.704.660	46.095.294.248
Phải trả người bán	12.624.995.407	10.320.710.039	12.624.995.407	10.320.710.039
Cộng	59.307.700.067	56.416.004.287	59.307.700.067	56.416.004.287

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh.
- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2013.

3 - Các thông tin về các bên liên quan

- ✓ Lương, thưởng và thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2013 là 1.422.252.075 đồng.
- ✓ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là Công ty mẹ. Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty mẹ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 là thực hiện việc trích nộp các khoản phí, quỹ quản lý tập trung.

Công nợ phải trả Tập đoàn

Đơn vị tính: đ

TT	Nội dung	Phải nộp đầu kỳ	Phải nộp tăng trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
1	Cổ tức	135.234.114	625.701.600	760.935.714	0
	Tổng	135.234.114	625.701.600	760.935.714	0

- ✓ Các giao dịch chủ yếu phát sinh với các Đơn vị trong cùng Tập đoàn là mua bán vật tư, sản phẩm cơ khí.

+ Công nợ phải thu của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 với các đơn vị trong Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: đ

STT	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Dư cuối kỳ	
		Dư Nợ	Dư Có			Dư Nợ	Dư Có
1	CN Công ty TNHH MTV Nhóm Lâm Đồng - XN Mộ tuyên	0	0	5.500.000	5.500.000	0	0
2	CN Tổng Công ty Đông Bắc tại tp. Hồ Chí Minh	0	0	2.541.000.000	2.541.000.000	0	0
3	Công ty Cổ phần Cơ Điện Uông Bí - Vinacomin	0	0	14.689.829.000	13.569.518.600	1.120.310.400	0
4	Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	0	0	264.242.000	28.160.000	236.082.000	0
5	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0	13.193.755.520	12.067.355.520	1.126.400.000	0
6	Công ty TNHH MTV 35 - Vinacomin	0	0	155.152.600	155.152.600	0	0
7	Công ty TNHH MTV 45 - Vinacomin	389.840.375	0	2.228.444.036	2.628.284.411	0	0
8	Công ty TNHH MTV 86 - Vinacomin	0	0	197.856.450	197.856.450	0	0
9	Công ty Cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	232.637.900	0	327.566.800	560.204.700	0	0
10	Công ty TNHH MTV Than Hồng Thái - Vinacomin	229.896.480	0	7.228.444.251	4.391.298.731	3.067.042.000	0
11	CN Tập đoàn CN than khoáng sản VN - Công ty TNHH MTV Than Khe Châm - Vinacomin	0	0	439.131.000	439.131.000	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Tel: 033.3871 312 Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

STT	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Dư cuối kỳ	
		Dư Nợ	Dư Có			Dư Nợ	Dư Có
12	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	4.573.800.000	0	38.045.000.000	42.618.800.000	0	0
13	CN Tập đoàn CN than khoáng sản VN - Công ty TNHH MTV Than Nam Mầu - Vinacomin	0	0	9.779.842.160	7.874.832.240	1.905.009.920	0
14	Công ty than Núi Hồng WMI - CN Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	0	0	19.195.000	19.195.000	0	0
15	Công ty Cổ phần Than Hồ Lâm - Vinacomin	2.175.323.326	0	13.932.828.617	14.416.194.736	1.691.957.207	0
16	Công ty TNHH MTV Thăng Long	0	0	668.353.292	240.490.800	427.862.492	0
17	CN Tập đoàn CN than khoáng sản VN - Công ty TNHH MTV Than Mạo Khê - Vinacomin	380.294.117	0	17.376.120.068	10.160.796.770	7.595.617.415	0
18	CN Tập đoàn CN than khoáng sản VN - Công ty TNHH MTV Than Hà Long - Vinacomin	1.288.272.480	0	8.527.559.920	8.740.846.180	1.074.986.220	0
19	Công ty Than Ưông Bí - Vinacomin	784.485.850	0	3.735.168.000	4.102.651.200	417.002.650	0
20	Công ty Xây dựng mỏ hầm lò 1 - Vinacomin	1.799.733.260	0	2.963.421.065	2.590.695.225	2.172.459.100	0
21	Công ty Xây dựng mỏ hầm lò 2 - Vinacomin	0	0	98.276.464	98.276.464	0	0
22	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu than - Vinacomin	0	0	200.216.500	200.216.500	0	0
23	CN Tập đoàn CN than khoáng sản VN - Công ty TNHH MTV Than Quang Hanh - Vinacomin	157.580.720	0	2.299.150.700	2.093.431.420	363.300.000	0
24	Công ty Than Dương Huy - Vinacomin	577.144.095	0	5.350.673.020	5.927.817.115	0	0
25	CN Tập đoàn CN than khoáng sản VN - Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai - Vinacomin	2.032.800.000	0	11.492.166.989	7.196.906.009	6.328.060.980	0
26	Công ty Than Thống Nhất - Vinacomin	86.898.319	0	13.181.390.983	13.268.289.302	0	0
27	CN Tập đoàn CN than khoáng sản VN - Công ty Tuyển than Cửa Ông - Vinacomin	0	0	4.101.516.306	4.101.516.306	0	0
28	Công ty TNHH MTV 91 - Vinacomin	330.570.700	0	216.518.754	510.675.054	36.414.400	0
29	Trường Cao đẳng nghề mỏ Hữu Nghị - TKV	0	0	162.607.500	162.607.500	0	0
30	Tổng Công ty Đông Bắc - Vinacomin	0	0	4.687.533.840	4.658.109.720	29.424.120	0
31	Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	600.972.142	0	4.539.682.396	4.613.279.132	527.375.406	0
32	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	0	0	156.665.993	156.665.993	0	0
33	Văn phòng điều hành Dự án Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê	0	0	14.738.396	14.738.396	0	0
34	Xí nghiệp than Cao Thằng - Vinacomin	792.896.500	0	7.006.844.364	7.799.740.864	0	0
35	Công ty TNHH MTV Than Đông Vông	127.959.040	0	10.460.742.072	9.591.770.536	996.930.576	0
36	Xí nghiệp Than Hà Ráng	8.635.000	0	28.293.100	36.928.100	0	0
37	Xí nghiệp Than Hoành Bồ - Công ty TNHH MTV Ưông Bí - Vinacomin	0	0	347.700.100	347.700.100	0	0
38	Xí nghiệp Sản xuất và Cảng	0	0	15.110.335	15.110.335	0	0
39	Xí nghiệp Than Giáp Khẩu	13.079.000	0	4.679.224.000	4.692.303.000	0	0
40	Xí nghiệp Than Thành Công - Công ty Than Hòn Gai	649.110.000	0	5.256.584.300	5.905.694.300	0	0
	Cộng	17.231.929.304	0	210.624.045.891	198.739.740.309	29.116.234.886	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Tel: 033.3871 312

Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 - Các thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

+ Công nợ phải trả của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 với các đơn vị trong Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: đ

STT	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh giảm	Phát sinh tăng	Dư cuối kỳ	
		Dư Nợ	Dư Có			Dư Nợ	Dư Có
1	Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí - Vinacomin	0	0	424.490.000	424.490.000	0	0
2	Công ty TNHH MTV Than Hồng Thái - Vinacomin	0	0	1.306.435.800	1.306.435.800	0	0
3	CN Tập đoàn CN than khoáng sản VN - Công ty TNHH MTV Than Nam Mẫu - Vinacomin	0	0	257.896.100	257.896.100	0	0
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị áp lực WMI	0	0	171.624.581	171.624.581	0	0
5	CN Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomin	0	0	328.663.477	328.663.477	0	0
6	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu than - Vinacomin	0	0	182.425.554	182.425.554	0	0
7	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ ITASCO	0	0	7.287.115.000	7.546.880.000	0	259.765.000
8	CN Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	0	664.620.000	3.101.560.000	2.436.940.000	0	0
9	Công ty CP Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	0	0	6.521.240.000	6.521.240.000	0	0
10	Công ty Cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	0	5.920.200.000	19.186.312.500	14.490.000.000	0	1.223.887.500
11	Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải - ITASCO	0	0	137.648.940	137.648.940	0	0
12	CN Tập đoàn CN than khoáng sản VN - Công ty TNHH MTV than Mạo Khê - Vinacomin	0	0	2.695.625.770	2.695.625.770	0	0
13	Trạm chế biến kinh doanh than Mạo Khê	861.912	0	621.711.208	621.301.120	1.272.000	0
14	Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	0	0	1.677.456.000	1.677.456.000	0	0
15	Trung tâm Y tế lao động - Vinacomin	0	0	0	8.542.269	0	8.542.269
16	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	0	0	410.331.000	524.216.000	0	113.885.000
17	Xí nghiệp sàng tuyển và Càng	6.978.840	0	0	6.978.840	0	0
18	Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai	0	0	501.835.475	567.592.397	0	65.756.922
	Cộng	7.840.752	6.584.820.000	44.812.371.405	39.905.956.848	1.272.000	1.671.836.691

4- Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Địa chỉ: Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Tel: 033.3871 312

Fax: 033.3871 387

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 - Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong năm tài chính 2013, sản phẩm sản xuất của Công ty chủ yếu là sản phẩm cơ khí phục vụ khai thác, vận chuyển, sàng tuyển than, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5 - Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6 - Tình hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Bùi Thị Khánh Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Thúy Hương

Giám đốc



Nguyễn Hải Long